

ỦY BAN NHÂN DÂN TP CẦN THƠ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT CẦN THƠ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: TRUNG CẤP
(hệ tốt nghiệp THCS)

Ngành: QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Mã ngành: 5850103)

NĂM 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 316/QĐ - KTKT ngày 31 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ)*

Tên ngành: Quản lý Tài nguyên và Môi trường

Mã ngành: 5850103

Trình độ đào tạo: Trung cấp đối với hệ tốt nghiệp THCS

Hình thức đào tạo: Chính quy / Vừa làm vừa học.

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS hoặc tương đương trở lên.

Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo học sinh ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị; có đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, hiểu và vận dụng hệ thống những lý luận cơ bản liên quan đến nghiệp vụ chuyên môn, kiến thức chuyên môn về các phương thức quản lý để sử dụng hợp lý các tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và cải thiện môi trường, giúp cho tài nguyên và môi trường của đất nước được quản lý và sử dụng bền vững.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

- Hiểu và vận dụng đúng đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước vào các hoạt động quản lý, sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường;
- Học sinh được trang bị khối kiến thức giáo dục đại cương theo qui định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Kiến thức cơ sở ngành: trang bị nền tảng cho học sinh tiếp thu các học phần chuyên ngành;
- Hiểu, trình bày và đánh giá được nghiệp vụ cơ bản về quản lý tài nguyên và môi trường. Có khả năng học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường.

1.2.2. Kỹ năng:

- Tổ chức thực hiện được công tác quản lý tài nguyên và môi trường ở các địa phương, giải quyết các vấn đề có liên quan đến nghiệp vụ, có khả năng quan trắc và phân tích chất lượng tài nguyên và môi trường, tham mưu được các biện pháp bảo vệ môi trường tại các cơ sở hay vùng lãnh thổ, có khả năng tự học để tiếp tục nâng cao trình độ và mở rộng kiến thức nhằm thích nghi tốt với sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương;

- Sử dụng thành thạo các loại máy móc thiết bị như Máy đo độ đục, Máy đo độ dẫn điện, nhiệt độ, độ mặn, thiết bị lấy mẫu khí...sử dụng trong quan trắc môi trường, quy hoạch tài nguyên và môi trường, đánh giá tác động về tài nguyên và môi trường;

- Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên môn như: Mapinfo, Arcgis;

- Thành thạo kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc;

- Viết và trình bày báo cáo khoa học;

- Tác phong công nghiệp đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách và pháp luật của Nhà nước. Tuân thủ đúng các qui trình, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan trong hoạt động nghề nghiệp. Có ý thức tổ chức kỷ luật cao, thực hiện tốt trách nhiệm và nghĩa vụ của cá nhân đối với đơn vị, cộng đồng, xã hội;

- Có đạo đức nghề nghiệp, yêu nghề, tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp và có ý chí vươn lên;

- Có ý thức tự học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

- Học sinh tốt nghiệp ngành Quản lý tài nguyên và Môi trường trình độ Cao đẳng có thể làm việc với cương vị chuyên viên ở các đơn vị sau:

- + Các đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường như: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và Môi trường, và Phòng Tài nguyên - Môi trường cấp huyện, thị trong cả nước;

- + Phụ trách công tác quản lý môi trường tại các UBND xã, phường, thị trấn, quận, huyện; viện nghiên cứu, các cơ quan quản lý kinh tế và khoa học, cơ quan quản lý chuyên ngành về tài nguyên;

- + Tham gia các thành phần kinh tế xã hội khác có nhu cầu liên quan đến nghề nghiệp như công nhân viên trong các Ban quản lý khu chế xuất, khu công nghiệp, các nhà máy, xí nghiệp...xử lý, quản lý môi trường, các cơ quan tư vấn đánh giá tác động môi trường.

- Học sinh tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng thông qua kết quả lấy ý kiến doanh nghiệp hằng năm.

- Học sinh tốt nghiệp có thể tiếp tục học liên thông lên ngành Quản lý Tài nguyên và môi trường trình độ Cao đẳng theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 55 TC (không kể Môn học Công tác xã hội 01 tín chỉ và các môn học văn hóa)

- Khối lượng các môn học văn hóa: 1020 giờ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ (12 TC)

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1170 giờ (43 TC)

- Khối lượng lý thuyết: 405 giờ
- Khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1020 giờ

3. Nội dung chương trình:

3.1 Danh mục và thời lượng các môn học:

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/kiểm tra
I	Các môn văn hóa		1020			
	<i>Nhóm 1: các ngành thuộc các lĩnh vực: Công nghệ kỹ thuật, Kinh tế, Quản trị kinh doanh (TC-NH, KT, Kế toán – HCSN, KDTM và DV, Tin học ứng dụng, Quản lý đất đai, QLTN-MT, CNKT trắc địa)</i>					
TOA205	Toán 1	8	120	74	40	6
TOA302	Toán 2	8	120	74	40	6
TOA402	Toán 3	8	120	74	40	6
VLA103	Vật lý 1	4	60	35	21	4
VLA203	Vật lý 2	5	75	45	26	4
VLA403	Vật lý 3	5	75	45	26	4
HHA105	Hóa học 1	4	75	52	20	3
HHA301	Hóa học 2	5	75	52	20	3
HHA401	Hóa học 3	5	60	43	15	2
NVA104	Ngữ văn 1	5	75	61	8	6
NVA204	Ngữ văn 2	6	90	74	8	8
NVA303	Ngữ văn 3	5	75	61	8	6
II	Các môn học chung	12	255	94	148	13
TMC304	Giáo dục Chính trị	2	30	15	13	2
TMC302	Pháp luật	1	15	9	5	1
TMC406	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
TMC305	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
TMC301	Tin học	2	45	15	28	2
TMC201	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
TXH301	Công tác xã hội	1	45		45	
III	Các môn học chuyên môn	43	1170	295	837	38
III.1	Môn học cơ sở	6	120	60	54	6
TMT101	Cơ sở khoa học môi trường	2	30	28	0	2
TMT201	Pháp luật Tài nguyên và Môi trường	2	45	17	26	2
TTM407	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	45	15	28	2
III.2	Môn học chuyên môn	19	420	151	243	26

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ kiểm tra
TMT102	Quan trắc môi trường	2	45	15	28	2
TMT103	Quản lý tài nguyên rừng	2	45	15	26	4
TMT202	Quản lý chất thải rắn	2	45	15	28	2
TMT401	Quản lý và xử lý chất thải hữu cơ	2	30	28	0	2
TMT301	Kỹ thuật xử lý nước thải	3	75	15	54	6
TTN602	Đánh giá tác động môi trường	2	45	15	28	2
TMT302	Thanh tra kiểm tra tài nguyên môi trường	2	45	18	25	2
TMT204	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	2	45	15	26	4
TMT205	Ứng dụng GIS trong quản lý môi trường	2	45	18	25	2
III.3	Môn học tự chọn	6	90	84	0	6
	Môn học cơ sở	2	30	28	0	2
TMT104	Năng lượng và môi trường	2	30	28	0	2
TMT105	Kinh tế môi trường	2	30	28	0	2
	Môn học chuyên môn	4	60	56	0	4
TMT206	Quản lý tài nguyên đất và khoáng sản	2	30	28	0	2
TMT305	Biến đổi khí hậu	2	30	28	0	2
TMT207	Quy hoạch phát triển nông thôn	2	30	28	0	2
TMT306	Quy hoạch đô thị	2	30	28	0	2
TMT303	Thực tập doanh nghiệp 1	5	225	0	225	0
TMT402	Thực tập doanh nghiệp 2	2	90	0	90	0
TKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
Tổng cộng:		55	1425	389	985	51

Cần Thơ, ngày tháng năm 202...

HIỆU TRƯỞNG